

Dược

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN  
KHOA DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 06 năm 2019

**ĐỀ CƯƠNG THI TỐT NGHIỆP  
CHUYÊN NGÀNH DƯỢC  
KHÓA D22YDH & T21YDH**

❖ **Hình thức thi tốt nghiệp:**

\* Đối với khóa D22YDH

- Môn Kiến thức cơ sở: 2 tín chỉ

Thời gian ôn thi: 8 giờ

Nội dung ôn thi: Tổng hợp kiến thức của 2 lĩnh vực

1. Hóa dược
2. Dược lý

- Môn Kiến thức chuyên ngành: 4 tín chỉ

Thời gian ôn thi: 8 giờ

Nội dung ôn thi: Tổng hợp kiến thức của 3 lĩnh vực

1. Pháp chế - Quản trị kinh doanh Dược
2. Bào chế - Công nghiệp Dược
3. Dược liệu - Dược cổ truyền

\* Đối với khóa T21YDH

- Môn Kiến thức cơ sở: 2 tín chỉ

Thời gian ôn thi: 8 giờ

Nội dung ôn thi: Tổng hợp kiến thức của 2 lĩnh vực

1. Hóa dược
2. Dược lý

- Môn Kiến thức chuyên ngành: 2 tín chỉ

Thời gian ôn thi: 8 giờ

Nội dung ôn thi: Tổng hợp kiến thức của 3 lĩnh vực

1. Pháp chế - Quản trị kinh doanh Dược
2. Bào chế - Công nghiệp Dược
3. Dược liệu - Dược cổ truyền



❖ Nội dung đề cương ôn tập:

1 Đề cương ôn thi môn Kiến thức cơ sở:

1.1. Dược lý

Trình bày các nội dung sau của 22 dược chất cụ thể:

- ✓ Cơ chế tác dụng
- ✓ Chỉ định
- ✓ Tác dụng
- ✓ Tác dụng không mong muốn
- ✓ Minh họa 5 chế phẩm có chứa hoạt chất
- ✓ Liều dùng

\*Danh mục 22 dược chất cụ thể

- |                    |                 |                   |
|--------------------|-----------------|-------------------|
| 1. Cefuroxim       | 9. Vitamin C    | 17. Paracetamol   |
| 2. Ciprofloxacin   | 10. Furosemid   | 18. Diclofenac    |
| 3. Sulfamethoxazol | 11. Prednisolon | 19. Salbutamol    |
| 4. Metronidazol    | 12. Isoniazid   | 20. Phenobarbital |
| 5. Cetirizin       | 13. Captopril   | 21. Metformin     |
| 6. Omeprazol       | 14. Amlodipin   | 22. Acyclovir     |
| 7. Loratadin       | 15. Morphin     |                   |
| 8. Vitamin A       | 16. Codein      |                   |

1.2. Hóa dược

Trình bày các nội dung sau của 22 dược chất cụ thể

- ✓ Phân loại thuốc
- ✓ Định tính
- ✓ Định lượng
- ✓ Công dụng
- ✓ Kể tên 5 biệt dược có chứa dược chất

\*Danh mục 22 dược chất cụ thể

- |                    |                   |
|--------------------|-------------------|
| 1. Cefuroxim       | 12. Isoniazid     |
| 2. Ciprofloxacin   | 13. Captopril     |
| 3. Sulfamethoxazol | 14. Amlodipin     |
| 4. Metronidazol    | 15. Morphin       |
| 5. Cetirizin       | 16. Codein        |
| 6. Omeprazol       | 17. Paracetamol   |
| 7. Loratadin       | 18. Diclofenac    |
| 8. Vitamin A       | 19. Salbutamol    |
| 9. Vitamin C       | 20. Phenobarbital |
| 10. Furosemid      | 21. Metformin     |
| 11. Prednisolon    | 22. Acyclovir     |



## 2 Đề cương ôn thi môn Kiến thức chuyên ngành:

### 2.1 Pháp chế - Quản trị kinh doanh Dược

2.1.1. Trình bày các nội dung sau theo luật Dược 2016:

Chứng chỉ hành nghề: Vị trí công việc cần có Chứng chỉ hành nghề, Điều kiện cấp Chứng chỉ hành nghề Dược, Điều kiện đối với người chịu trách nhiệm chuyên môn trong các lĩnh vực liên quan đến thuốc và nguyên liệu làm thuốc

2.1.2. Trình bày khái niệm, công thức tính của một số chỉ tiêu tài chính: chi phí, doanh số, lợi nhuận, khấu hao, vòng quay vốn

2.1.3. Bốn nội dung cơ bản cung ứng thuốc bệnh viện

2.1.4. Bốn chức năng của quản trị. Cho ví dụ minh họa

2.1.5. Bốn chính sách của marketing. Cho ví dụ minh họa

### 2.2 Bào chế - Công nghiệp Dược:

Trình bày ưu, nhược điểm; thành phần; phương pháp bào chế của 6 dạng bào chế sau:

1. Thuốc nhỏ mắt

2. Thuốc tiêm

3. Thuốc đặt

4. Viên nén

5. Viên nang

6. Thuốc mỡ

### 2.3 Dược liệu - Dược cổ truyền

2.3.1. Saponin: 5 tính chất đặc biệt; tác dụng, công dụng; tên 10 dược liệu tiêu biểu

2.3.2. Anthranoid: đặc điểm (của 2 nhóm anthranoid chính); tác dụng sinh học, công dụng chính; tên 10 dược liệu tiêu biểu

2.3.3. Flavonoid: tác dụng sinh học, công dụng chính; phân loại (3 nhóm flavonoid chính); tên các phân nhóm của euflavonoid

2.3.4. Coumarin: tác dụng, công dụng; tên các phân nhóm; tên 6 dược liệu tiêu biểu

2.3.5. Tanin: định nghĩa; phân loại (tính chất của 2 loại chính); tác dụng, công dụng; tên 5 dược liệu tiêu biểu

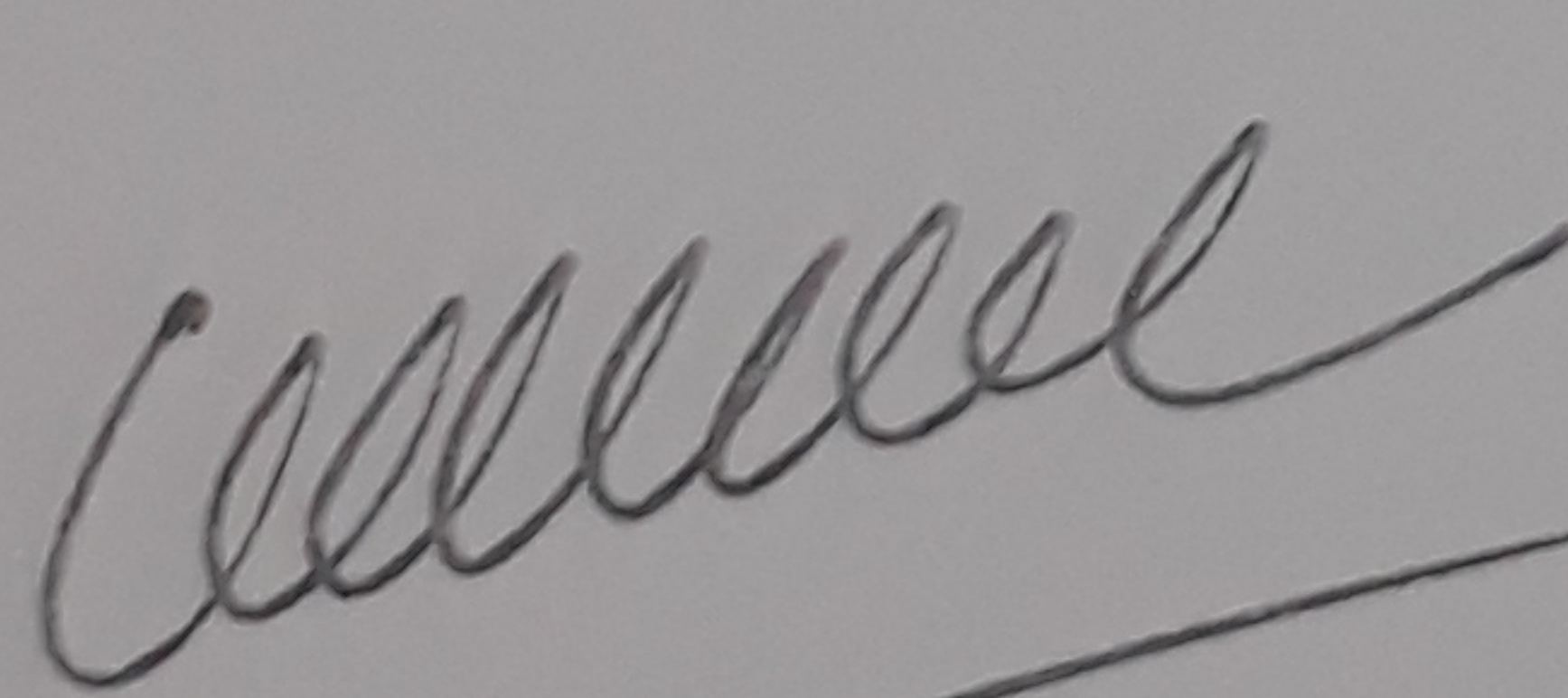
2.3.6. Alkaloid: định nghĩa (theo Max Polonovski); cách phân loại alkaloid (theo sinh phát nguyên); tác dụng sinh học; tên 15 dược liệu tiêu biểu

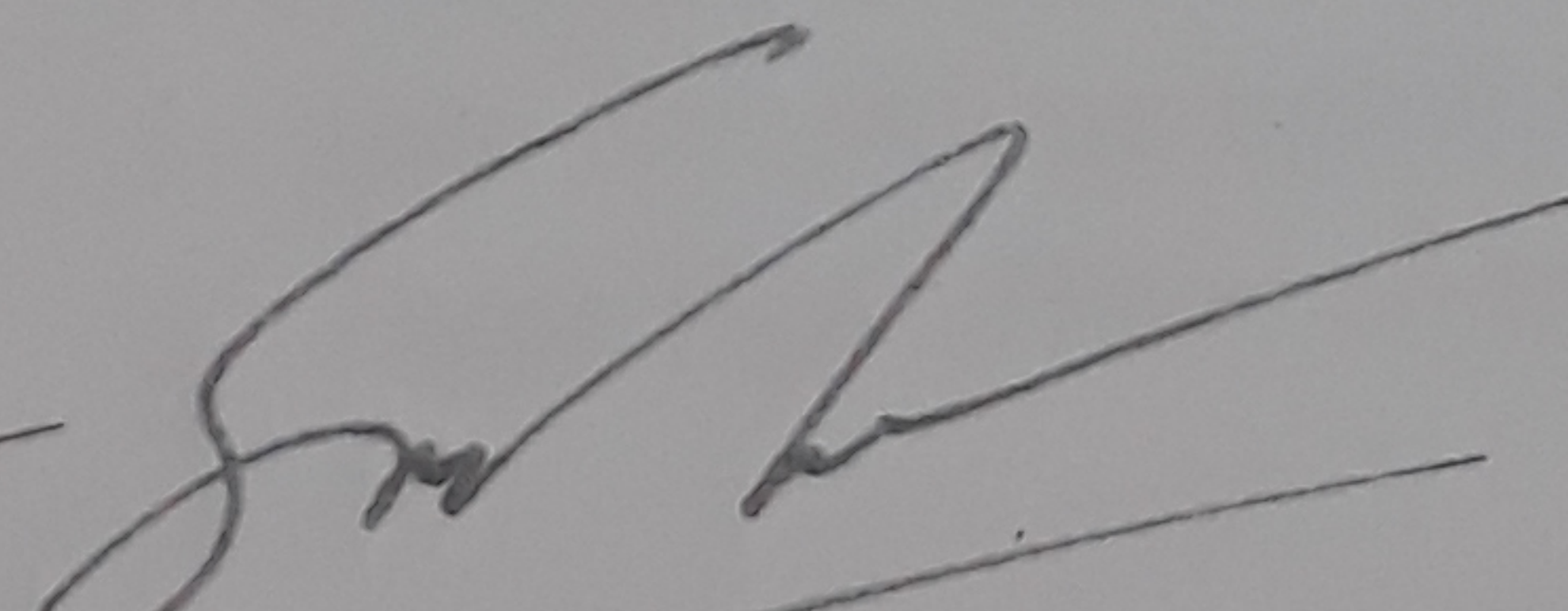
Đà Nẵng, ngày 18 tháng 06 năm 2019

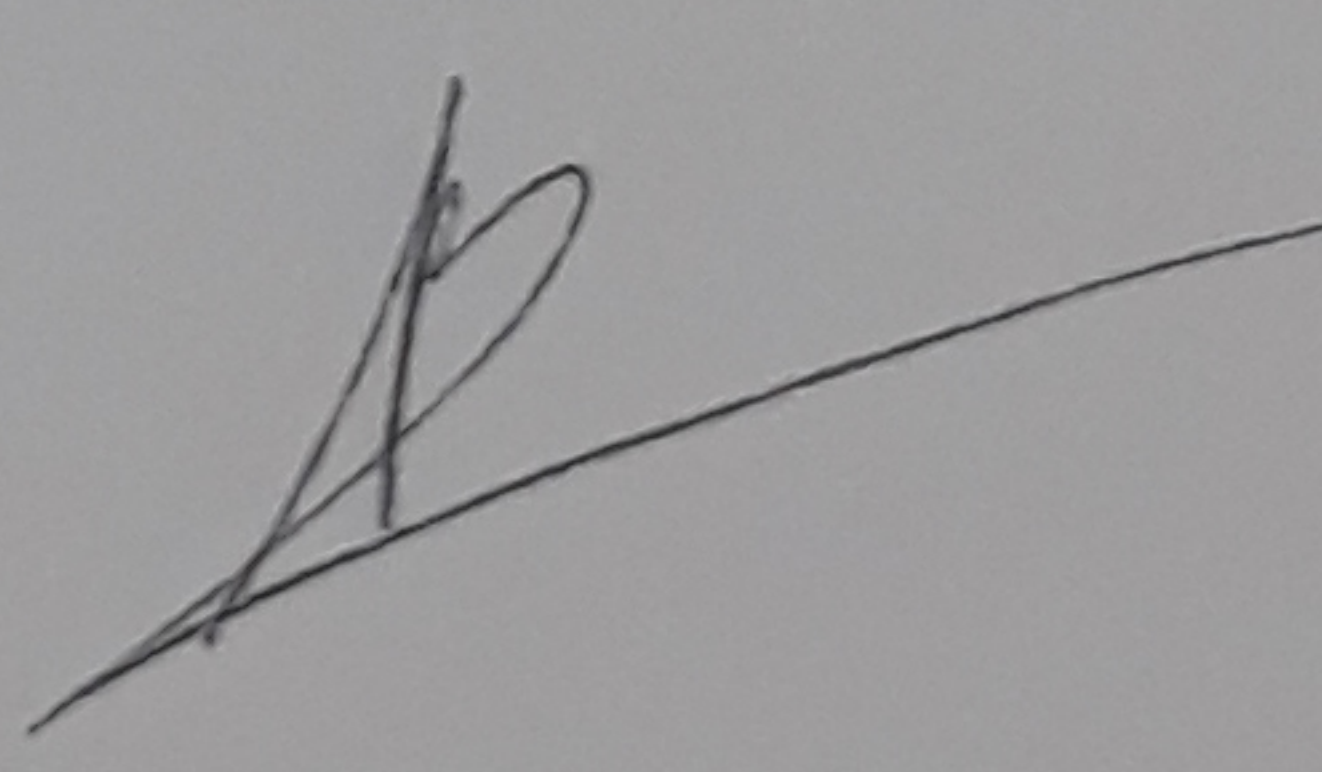
T.M. BAN GIÁM HIỆU

PHÒNG ĐÀO TẠO

P. KHOA DƯỢC

  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Võ Thanh Hải

  
TS. Nguyễn Phi Sơn

  
ThS. Nguyễn Thị Thùy Trang